



Ký bởi: SỞ  
CÔNG  
THƯƠNG  
Ngày ký: 20-  
05-2026  
15:55:23  
+07:00

**CÔNG TY TNHH MOONMILK**

Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang,  
Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
T: 02583 553 888

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Nha trang, ngày 07 tháng 05 năm 2026

**SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA**

**ĐẾN**

Số: 8876

Ngày: 20/05/2026

Kính gửi:

**SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH KHÁNH HÒA**

Chuyển: Thực hiện Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ qui định  
Số và ký hiệu HS: chỉ tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm, Công ty TNHH Moonmilk kính  
gửi Sở Công Thương Tỉnh Khánh Hòa hồ sơ tự công bố cho sản phẩm thực phẩm nhập  
khẩu với chi tiết như sau:

| Stt | Tên sản phẩm                | Số công bố       | Ngày công bố |
|-----|-----------------------------|------------------|--------------|
| 1   | Hạt diêm mạch hiệu<br>MAKFA | 45/Moonmilk/2026 | 01/05/2026   |

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và  
hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố chất lượng và an toàn thực  
phẩm với sản phẩm đã công bố.

Hồ sơ đính kèm gồm:

- Bản tự công bố
- Phiếu kiểm nghiệm
- Giấy ĐKKD

**DAI DIEN CÔNG TY**  
**GIAM ĐOC**



*Nguyễn Hữu Long*

1777

1777

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
Số : 45/Moonmilk/2026

**I.Thông tin về tổ chức tự công bố sản phẩm**

Tên tổ chức: CÔNG TY TNHH MOONMILK

Trụ sở: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 0258 3553 888

Email: [import2.moonmilk@gmail.com](mailto:import2.moonmilk@gmail.com)

Mã số doanh nghiệp: 4201570744, do Sở KH & ĐT tỉnh Khánh Hòa cấp đăng ký lần đầu ngày 27/08/2013, đăng ký thay đổi lần 3 ngày 09/01/2023.

**II.Thông tin về sản phẩm:**

1.Tên sản phẩm: Hạt diêm mạch hiệu MAKFA

2.Thành phần: 100% hạt diêm mạch

3.Thời hạn sử dụng sản phẩm: 1 năm kể từ ngày sản xuất

4.Quy cách đóng gói: 450g hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng;

5.Chất liệu bao bì: Bao bì nhựa bên trong hộp giấy, phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc thực phẩm của Bộ Y Tế

6.Nhà Sản Xuất: Công ty TNHH «NPO KVINOVA CENTR», phòng 2, nhà 81, phố Kooperativnaya, thành phố Novokubansk, huyện Novokubansky, vùng Krasnodar, 352240, Nga.

Địa điểm sản xuất: số 1/4, phố Mira, thôn Kirova, huyện Novokubansky, vùng Krasnodar, 352216, Nga.

**III.Mẫu nhãn sản phẩm:** đính kèm mẫu nhãn phụ và nhãn chính dự kiến

**IV.Yêu cầu về an toàn thực phẩm**

Cty TNHH Moonmilk kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.





#### 4.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật

| STT | Tên chỉ tiêu                    | Đơn vị tính | Mức công bố       |
|-----|---------------------------------|-------------|-------------------|
| 01  | TSVSVHK                         | CFU/g       | $2.5 \times 10^3$ |
| 02  | E.coli                          | CFU/g       | <10               |
| 03  | Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc | CFU/g       | <10               |
| 04  | S. aureus                       | CFU/g       | <10               |
| 05  | CL. perfringens                 | CFU/g       | <10               |
| 06  | B. cereus                       | CFU/g       | <10               |
| 07  | Coliforms                       | CFU/g       | <10               |

#### 4.2. Hàm lượng kim loại nặng

Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT

| STT | Chỉ tiêu  | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|-----------|-------------|------------|
| 01  | Asen (As) | mg/kg       | 0,1        |
| 02  | Chì (Pb)  | mg/kg       | 2          |

#### 4.3. Độc tố vi nấm

Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT,

| STT | Chỉ tiêu          | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|-----|-------------------|-------------|------------|
| 01  | Aflatoxin B1      | µg/kg       | 5          |
| 02  | Aflatoxin tổng số | µg/kg       | 10         |
| 03  | Ochratoxin A      | µg/kg       | 3          |
| 04  | Deoxynivalenol    | µg/kg       | 750        |
| 05  | Zearalenone       | µg/kg       | 75         |



1000

1000

1000

1000

1000

1000

Chúng tôi cam kết thực hiện đầy đủ các qui định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Khánh Hòa, ngày 01 tháng 05 năm 2026

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**  
**GIAM ĐỐC**



*Nguyễn Hữu Long*



100 MAR

100 MAR



## Nhãn phụ



- Tên sản phẩm: Hạt diêm mạch hiệu MAKFA
  - Thành phần: 100% hạt diêm mạch
  - Bảo quản: Trong các kho chứa khô ráo, thông thoáng, không bị côn trùng gây hại ngũ cốc xâm nhiễm, tuân thủ các quy định vệ sinh, ở nhiệt độ không quá 25°C và độ ẩm tương đối của không khí không quá 75%. Không được bảo quản cùng với hàng hóa có mùi đặc trưng và không để ánh nắng trực tiếp chiếu vào.
  - Hướng dẫn sử dụng: Xem trên bao bì
  - Hạn sử dụng: 1 năm kể từ ngày sản xuất, ngày sản xuất và hạn sử dụng xem trên bao bì sản phẩm.
  - Quy cách và đóng gói: Xem trên bao bì
  - Xuất xứ: Nga
  - Nhà Sản Xuất: Công ty TNHH «NPO KVINOA CENTR», phòng 2, nhà 81, phố Kooperativnaya, thành phố Novokubansk, huyện Novokubansky, vùng Krasnodar, 352240, Nga.  
Địa điểm sản xuất: số 1/4, phố Mira, thôn Kirova, huyện Novokubansky, vùng Krasnodar, 352216, Nga.
- CÔNG TY TNHH MOONMILK**  
Địa chỉ: Tổ 13 Đường Đệ, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
SĐT: 0258 3553 888
- Số công bố : 45/Moonmilk/2026

| Giá trị dinh dưỡng trung bình trong 100g                                         |  |          |
|----------------------------------------------------------------------------------|--|----------|
| Năng lượng (Energy)                                                              |  | 280 Kcal |
| Đạm (Protein)                                                                    |  | 13.6 g   |
| Carbohydrat (Carbohydrate)                                                       |  | 65.1 g   |
| Béo tổng (Total fat)                                                             |  | 7.2 g    |
| Natri (Sodium)                                                                   |  | 2.55 mg  |
| Giá trị dinh dưỡng của sản phẩm dao động (+/-) 20% giá trị công bố ghi trên nhãn |  |          |



21. Diêm mạch

**BẢN DỊCH  
TRANSLATION**



**Diêm mạch**

**450 g**

Дата изготовления (число, месяц, год) (верхняя строка):  
Годен до (число, месяц, год) (нижняя строка):  
Өндірілген күні (күні, айы, жылы) (жоғарғы жол):  
Жарамдылық мерзімі (күні, айы, жылы) (төменгі жол):

Даярдалган дата (күн, ай, жыл) (үстүңкү сап):  
Чейин жарактуу (күн, ай, жыл) (астынкы сап):  
Ishlab chiqarilgan sana (kun, oy, yil) (yuqori qator):  
Yaroqlilik muddati (kun, oy, yil) (pastki qator):

Ngày sản xuất (ngày, tháng, năm) (dòng trên):  
Hạn dùng đến (ngày, tháng, năm) (dòng dưới):

ĐẠI DIỆN CÔNG TY MOONMILK

GIÁM ĐỐC

(Đã ký và đóng dấu)



Ut

Hoan

11/11/11  
11/11/11

11/11/11  
11/11/11  
11/11/11

**RU Крупа киноа.**

TU 10.61.32-003-17057665-2024.

**Масса нетто: 450 г.**

Страна происхождения: Россия.

Пищевая ценность на 100 г продукта (средние значения): белки – 14,0 г; жиры – 3,0 г; углеводы – 68,0 г. Энергетическая ценность (калорийность): 1505 «Дж/ 355 ккал. Хранить в крытых складских помещениях, защищенных от воздействия солнечных лучей и атмосферных осадков, при относительной влажности воздуха до 70% и температурой до +25° С. Помещения для хранения крупы должны быть чистыми, сухими, хорошо проветриваемыми, не зараженными вредителями. Хранение крупы вместе с товарами и продуктами, имеющими специфический запах, не допускается.

Изготовитель: ООО «НПО КВИНОА ЦЕНТР», 352240 Россия, Краснодарский край, Новокубанский район, г. Новокубанск, ул. Кооперативная, д. 81, помещение 2.

**RU: Hạt diêm mạch.**

TU 10.61.32-003-17057665-2024.

**Khối lượng tịnh: 450 g.**

Nước xuất xứ: Nga.

Giá trị dinh dưỡng trên 100 g sản phẩm (giá trị trung bình): chất đạm – 14,0 g; chất béo – 3,0 g; carbohydrate – 68,0 g.

Giá trị năng lượng (calo): 1505 kJ/355 kcal.

Bảo quản trong các kho chứa có mái che, được che chắn khỏi ánh sáng mặt trời và mưa nắng, với độ ẩm tương đối của không khí đến 70% và nhiệt độ đến +25°C.

Kho bảo quản hạt phải sạch, khô, thông thoáng, không bị côn trùng gây hại xâm nhiễm.

Không được bảo quản hạt cùng với hàng hóa và sản phẩm có mùi đặc trưng.

Nhà sản xuất: Công ty TNHH «NPO KVINOA CENTR», phòng 2, nhà 81, phố Kooperativnaya, thành phố Novokubansk, huyện Novokubansky, vùng Krasnodar, 352240, Nga.

Адрес производства: 352216 Россия, Краснодарский край, Новокубанский район, х.Кирова, ул.Мира, 1/4.

Изготовлено по заказу АО «МАКФА», Россия 123001, г. Москва, пер. Вспольный, д.5, стр.1, офис 1, тел.: 8-800-500-08-04.

Рекомендации по приготовлению: крупу промыть водой. Использовать соотношение – 1 часть крупы, 2 части воды.

Время варки 15-20 минут после закипания.

ПОСТАВЩИК В РЕСПУБЛИКЕ БЕЛАРУСЬ: ООО «Тибетрэй», 220075, г. Минск, ул. Селицкого, 21Б, помещение 2, кабинет 52.

Nhà sản xuất: Công ty TNHH «NPO KVINOA CENTR», phòng 2, nhà 81, phố Kooperativnaya, thành phố Novokubansk, huyện Novokubansky, vùng Krasnodar, 352240, Nga.

Địa chỉ sản xuất: số 1/4, phố Mira, thôn Kirova, huyện Novokubansky, vùng Krasnodar, 352216, Nga.

Nhà cung cấp tại Cộng hòa Belarus: Công ty TNHH «Tibetrey», phòng làm việc 52, phòng 2, số 21B, phố Selitskogo, thành phố Minsk, 220075, Cộng hòa Belarus.

Lt

Hoan



Tôi, Ngô Đình Hoàn, CCCD số: 034080013001 cấp ngày 29/04/2021 tại Cục Cảnh sát Quản lý Hành chính về TTXH; cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ **tiếng Nga sang tiếng Việt**.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026

Người dịch ký và ghi rõ họ tên



**Ngô Đình Hoàn**

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 (Bằng chữ: Ngày mười sáu, tháng một, năm hai nghìn không trăm hai mươi sáu)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Ô Chợ Dừa, thành phố Hà Nội.

Tôi, **CÔNG CHỨNG VIÊN** là Công chứng viên, Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội. *Trần Thị Huyền*

### CHỨNG THỰC

- Ông Ngô Đình Hoàn là người đã ký vào từng trang bản dịch này. Người thực hiện chứng thực đã đối chiếu chữ ký của người dịch trên bản dịch và nhận thấy phù hợp với chữ ký mẫu của cộng tác viên dịch thuật đã đăng ký tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Văn bản chứng thực này được lập thành 2 bản gốc (mỗi bản gốc gồm 3 tờ, 3 trang), lưu 01 (một) bản gốc tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số chứng thực: 6401

Quyển số: 01/2026 - SCT/CKND

Người thực hiện chứng thực

Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu

**CÔNG CHỨNG VIÊN**



**CÔNG CHỨNG VIÊN**  
*Trần Thị Huyền*

Handwritten text in a cursive script, possibly a signature or a short note.



Handwritten text in a cursive script, located below the circular stamp in the lower-left corner.

21 Quinoa



Дата изготовления (число, месяц, год) (верхняя строка):  
Годен до (число, месяц, год) (нижняя строка):  
Өндірілген күні (күні, айы, жылы) (жоғарғы жол):  
Жарамдылық мерзімі (күні, айы, жылы) (төменгі жол):

Даярдалган дата (күн, ай, жыл) (үстүңкү сап):  
Чейин жарактуу (күн, ай, жыл) (астынкы сап):  
Ishlab chiqarilgan sana (kun, oy, yil) (yuqori qator):  
Yaroqlilik muddati (kun, oy, yil) (pastki qator):

*Снам чот*



*Nguyễn Hữu Long*





## **Крупа киноа.**

ТУ 10.61.32-003-17057665-2024.

**Масса нетто: 450 г.**

Страна происхождения: Россия.

Пищевая ценность на 100 г продукта (средние значения): белки – 14,0 г; жиры – 3,0 г; углеводы – 68,0 г. Энергетическая ценность (калорийность): 1505 кДж/ 355 ккал. Хранить в крытых складских помещениях, защищенных от воздействия солнечных лучей и атмосферных осадков, при относительной влажности воздуха до 70% и температурой до +25° С. Помещения для хранения крупы должны быть чистыми, сухими, хорошо проветриваемыми, не зараженными вредителями. Хранение крупы вместе с товарами и продуктами, имеющими специфический запах, не допускается.

Изготовитель: ООО «НПО КВИНОА ЦЕНТР», 352240 Россия, Краснодарский край, Новокубанский район, г. Новокубанск, ул. Кооперативная, д. 81, помещение 2.

Адрес производства: 352216 Россия, Краснодарский край, Новокубанский район, х Кирова, ул. Мира, 1/4.

Изготовлено по заказу АО «МАКФА», Россия 123001, г. Москва, пер. Вспольный, д. 5, стр. 1, офис 1, тел.: 8-800-500-08-04.

Рекомендации по приготовлению: крупу промыть водой. Использовать соотношение – 1 часть крупы, 2 части воды.

Время варки 15-20 минут после закипания.

ПОСТАВЩИК В РЕСПУБЛИКЕ БЕЛАРУСЬ:  
ООО «Тибетрэй», 220075, г. Минск, ул. Селицкого, 21Б, помещение 2, кабинет 52.







**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**



Trang/ Page No: 1/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: ENB8260300368-2 (1/4)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK  
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 20/03/2026  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 20/03/2026 - 27/03/2026  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/03/2026  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : HẠT DIÊM MẠCH HIỆU MAKFA  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín  
Bảng kết quả/ Results Table :







**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**



Trang/ Page No: 2/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: ENB8260300368-2 (1/4)

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                                                                                | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|---------------------------------|
| 1           | Năng lượng (Tính từ protein, béo và carbohydrate)<br>(*) / Calories (Calculated from protein, fat and<br>carbohydrate) (*) | 380                    | kcal/100g       | AVA-KN-PP.HL/10                 |
| 2           | Đạm (*) / Protein (*)                                                                                                      | 13.6                   | g/100g          | AVA-KN-PP.HL/01                 |
| 3           | Carbohydrat (*) / Carbohydrate (*)                                                                                         | 65.1                   | g/100g          | AVA-KN-PP.HL/04                 |
| 4           | Béo tổng (*) / Total fat (*)                                                                                               | 7.20                   | g/100g          | AVA-KN-PP.HL/02                 |
| 5           | Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)                                                                                           | 2.55                   | mg/100g         | AVA-KN-PP.QP/063                |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (\*\*)(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (\*\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi / (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản / (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp / Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp / Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK / This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp / Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh / For microbiological analytes:
  - Theo phương pháp đếm đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện / According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện / According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện) / According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học / For chemical analytes:
  - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ" / When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể / The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TRẦN HOÀNG VINH**







**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**



Trang/ Page No: 1/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: ENB8260300368-2 (2/4)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK  
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 20/03/2026  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 20/03/2026 - 27/03/2026  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/03/2026  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : HẠT DIÊM MẠCH HIỆU MAKFA  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín  
Bảng kết quả/ Results Table :

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s)                          | Đơn Vị/<br>Unit | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|
| 1           | Aflatoxin B1 (*) / Aflatoxin B1 (*)         | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 0.1) | µg/kg           | AVA-KN-PP.SK/211                |
| 2           | Aflatoxin tổng số (*) / Total Aflatoxin (*) | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 0.1) | µg/kg           | AVA-KN-PP.SK/211                |
| 3           | Ochratoxin A (*) / Ochratoxin A (*)         | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 0.3) | µg/kg           | AVA-KN-PP.SK/211                |
| 4           | Deoxynivalenol (*) / Deoxynivalenol (*)     | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 7)   | µg/kg           | AVA-KN-PP.SK/211                |







**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**



Trang/ Page No: 2/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: ENB8260300368-2 (2/4)

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s)                        | Đơn Vị/<br>Unit | Phương Pháp Thử/<br>Test Method |
|-------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------|---------------------------------|
| 5           | Zearalenone (*) / Zearalenone (*)           | Không phát hiện/<br>Not Detected<br>(LOD = 7) | µg/kg           | AVA-KN-PP.SK/211                |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ/ (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (\*\*)(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi/ (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản/ (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp/ Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp/ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
  - Theo phương pháp đếm đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện/ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện/ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
  - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TRẦN HOÀNG VINH**







**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**

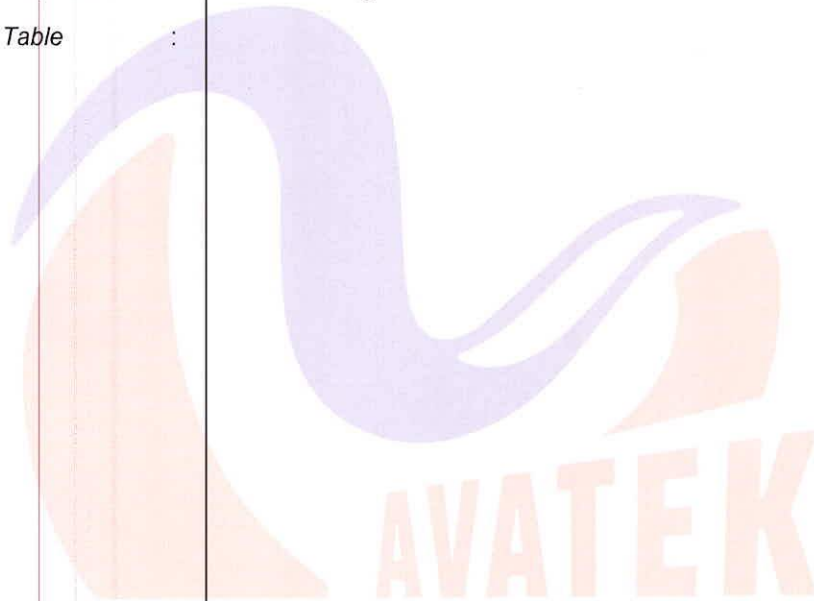


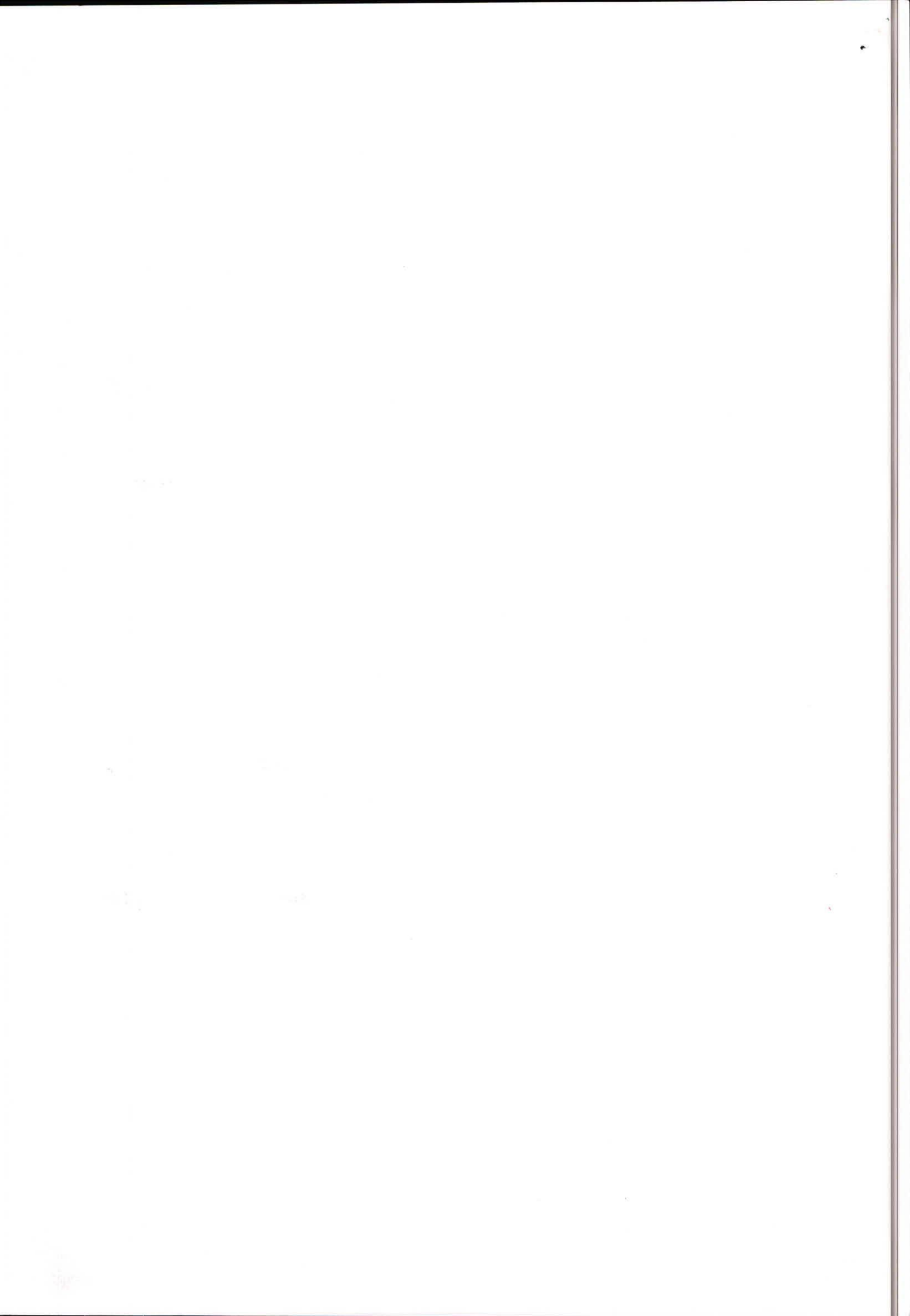
Trang/ Page No: 1/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: ENB8260300368-2 (3/4)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK  
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 20/03/2026  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 20/03/2026 - 27/03/2026  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/03/2026  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : HẠT DIÊM MẠCH HIỆU MAKFA  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín  
Bảng kết quả/ Results Table :







AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC  
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK



Trang/ Page No: 2/2

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM  
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: ENB8260300368-2 (3/4)

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s) | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | Phương Pháp Thử/<br>Test Method      |
|-------------|---------------------------------------------|------------------------|-----------------|--------------------------------------|
| 1           | Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)                | 0.030                  | mg/kg           | AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01) |
| 2           | Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)            | <0.01                  | mg/kg           | AVA-KN-PP.QP/072 (Ref. AOAC 2015.01) |

Chú thích/ Remarks:

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ / (\*\*) : Items are tested by subcontractor.
- (\*\*)(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017 / (\*\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi / (CN) : Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản / (TS) : Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD : Giới hạn phát hiện của phương pháp / Limited of detection.
- LOQ : Giới hạn định lượng của phương pháp / Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng / Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK / This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp / Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh / For microbiological analytes:
  - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện. / According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện. / According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) : Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện). / According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học / For chemical analytes:
  - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ". / When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể / The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.



GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



TRẦN HOÀNG VINH







**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**

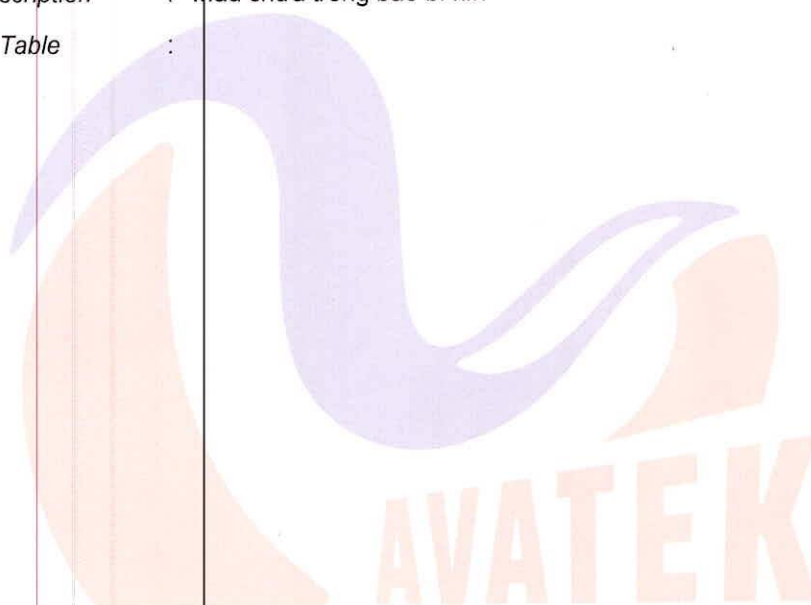


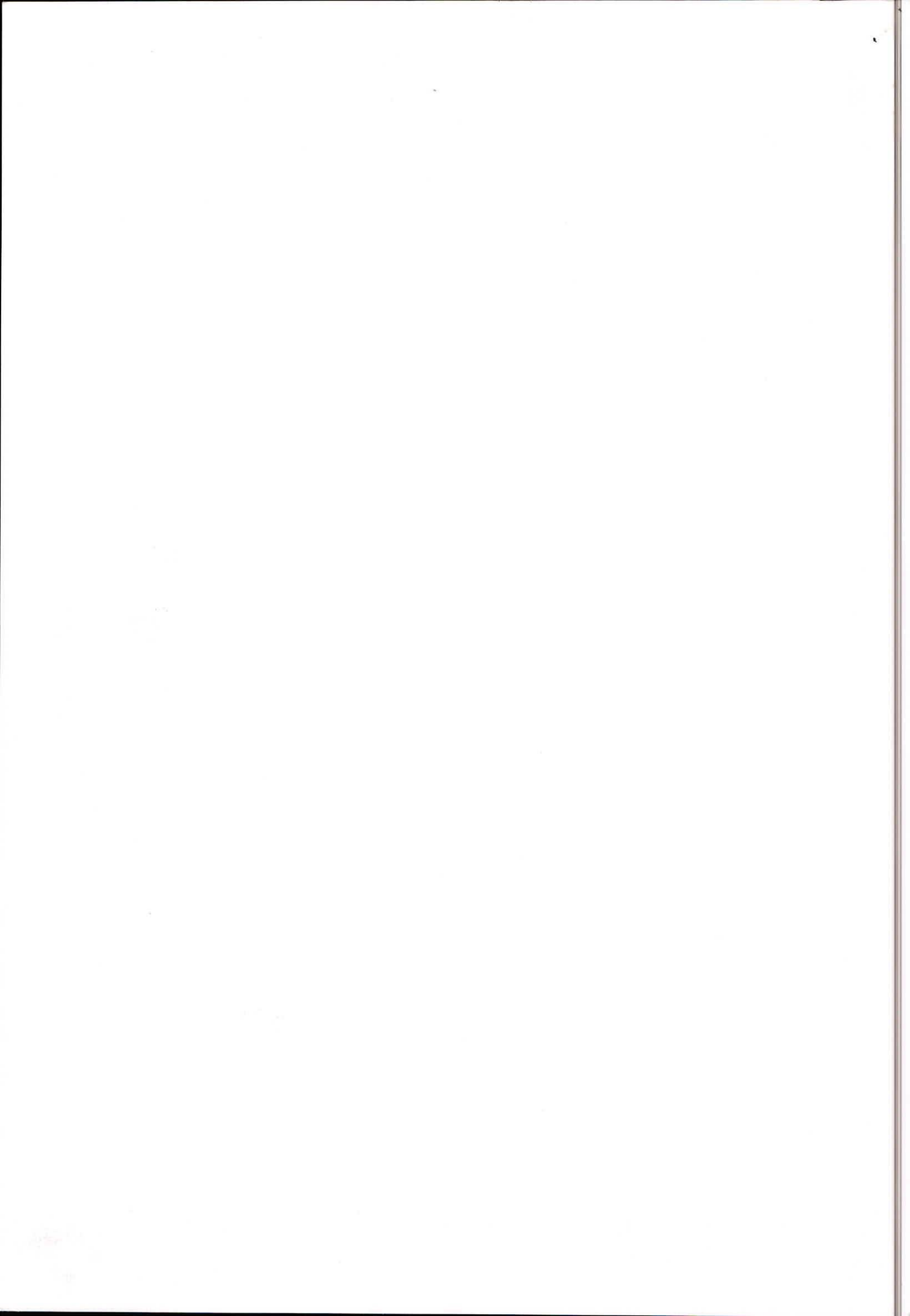
Trang/ Page No: 1/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: ENB8260300368-2 (4/4)

Tên khách hàng/ Client's Name : CÔNG TY TNHH MOONMILK  
Địa chỉ/ Client's Address : Tổ 13 Đường Đệ, Phường Bắc Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam  
Ngày nhận mẫu/ Date sample(s) received : 20/03/2026  
Ngày thử nghiệm/ Date of testing : 20/03/2026 - 27/03/2026  
Ngày trả kết quả/ Date of Issue : 30/03/2026  
Thông tin mẫu/ Name of Sample : HẠT DIÊM MẠCH HIỆU MAKFA  
Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong bao bì kín  
Bảng kết quả/ Results Table :







**AVATEK SCIENCE TECHNOLOGY JSC**  
**TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM VÀ TƯ VẤN UDKH AVATEK**



Trang/ Page No: 2/2

**KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: ENB8260300368-2 (4/4)

| STT/<br>No. | Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/<br>Testing Analysis(s)                         | Kết Quả/<br>Result (s) | Đơn Vị/<br>Unit | Phương Pháp Thử/<br>Test Method          |
|-------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------|------------------------------------------|
| 1           | Tổng số vi sinh vật hiếu khí (*) / Total aerobic microorganisms (*) | $2.5 \times 10^3$      | CFU/g           | ISO 4833-1:2013/Amd 1:2022               |
| 2           | Coliforms (*) / Coliforms (*)                                       | <10                    | CFU/g           | TCVN 6848:2007(ISO 4832:2006)            |
| 3           | Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)                         | <10                    | CFU/g           | TCVN 7924-2:2008(ISO 16649-2:2001)       |
| 4           | Staphylococcus aureus (*) / Staphylococcus aureus (*)               | <10                    | CFU/g           | AOAC 975.55                              |
| 5           | Clostridium perfringens (*) / Clostridium perfringens (*)           | <10                    | CFU/g           | ISO 15213-2:2023                         |
| 6           | Bacillus cereus (*) / Bacillus cereus (*)                           | <10                    | CFU/g           | AOAC 980.31                              |
| 7           | Tổng số bào tử nấm men nấm mốc / Total spores of yeasts and moulds  | <10                    | CFU/g           | Ref. TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) |

**Chú thích/ Remarks:**

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- (\*\*)(\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ và thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (\*\*)(\*) : Items are tested by subcontractor - currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (CN) : Chỉ tiêu được chỉ định của Cục Chăn Nuôi./ (CN): Analytical criteria recognized by the Department of Livestock Production.
- (TS) : Chỉ tiêu được chỉ định bởi Cục thủy sản./ (TS): Analytical criteria recognized by Directorate Of Fisheries.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp./ Limit of Quantitation.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received.
- Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của AVATEK/ This report will not be reproduced except in full, without approval of AVATEK.
- Thông tin về "Tên khách hàng, địa chỉ, thông tin mẫu" do khách hàng cung cấp/ Information "Client's name, Client's address, Name of sample" provided by Client's.
- Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh/ For microbiological analytes:
  - Theo phương pháp đổ đĩa : Kết quả được thể hiện <10 ; <1 ; <5 ; <2 khi không có phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như Không phát hiện./ According to the plate count testing method, the result is expressed <10 ; <1 ; <5 ; <2 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp lọc : Kết quả được thể hiện <1 khi không phát hiện khuẩn lạc trên đĩa thạch, kết quả được xem như không phát hiện./ According to the membrane filter method, the result is expressed <1 when the dish contains no colony, the result can be considered as not detected.
  - Theo phương pháp đếm số có xác suất lớn nhất (MPN): Kết quả được thể hiện là 0 ; <1.8 hoặc <3 khi không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau thời gian ủ quy định, kết quả là âm tính (Không phát hiện)/ According to (MPN) method, the result is expressed 0 ; <1.8 or <3 when there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative (Not detected).
- Đối với chỉ tiêu phân tích hóa học/ For chemical analytes:
  - Khi chất phân tích được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là "< LOQ"/ When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as "< LOQ".
- Kết quả trong báo cáo này là một phần trong tổng số 04 báo cáo của kết quả phân tích tổng thể/ The results presented in this report constitute one part of the total 04 reports in the overall analysis.



**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**

**TRẦN HOÀNG VINH**



